

QUYẾT ĐỊNH

Về việc quy định chế độ trợ cấp, trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 67/2007/NĐ-CP ngày 13/4/2007 của Chính phủ về chính sách trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội và Nghị định số 13/2010/NĐ-CP ngày 27/02/2010 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2007/NĐ-CP ngày 13/4/2007 của Chính phủ về chính sách trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 24/2010/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 18/8/2010 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội - Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 67/2007/NĐ-CP ngày 13/4/2007 của Chính phủ về chính sách trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội và Nghị định số 13/2010/NĐ-CP ngày 27/02/2010 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2007/NĐ-CP của Chính phủ về chính sách trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội;

Theo đề nghị của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại tờ trình số 42/TTr-LĐTBXH-BTXH ngày 10/10/2011,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định chế độ trợ giúp thường xuyên cho đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng như sau:

1. Quy định mức chuẩn để xác định mức trợ cấp xã hội hàng tháng là 240.000 đồng (hệ số 1); khi mức sống tối thiểu của dân cư thay đổi thì mức chuẩn trợ cấp xã hội cũng được điều chỉnh theo cho phù hợp.

2. Các mức trợ cấp xã hội hàng tháng thấp nhất đối với từng nhóm đối tượng bảo trợ xã hội được quy định như sau:

a) Mức trợ cấp xã hội hàng tháng cho các đối tượng bảo trợ xã hội sống tại cộng đồng do xã, phường, thị trấn quản lý: (đơn vị tính: nghìn đồng)

STT	Đối tượng	Hệ số	Mức trợ cấp
1	Trẻ em có hoàn cảnh quy định tại khoản 1 điều 4 Nghị định số 67/2007/NĐ-CP:		
	- Từ 18 tháng tuổi trở lên	1,0	240
	- Dưới 18 tháng tuổi; từ 18 tháng tuổi trở lên nhưng bị tàn tật hoặc bị nhiễm HIV/AIDS	1,5	360
	- Dưới 18 tháng tuổi bị tàn tật nặng hoặc bị nhiễm HIV/AIDS	2,0	480

2	Người cao tuổi có hoàn cảnh quy định tại khoản 2 điều 4 Nghị định số 67/2007/NĐ-CP:			
	- Người cao tuổi dưới 85 tuổi	1,0	240	
	- Người cao tuổi dưới 85 tuổi nhưng bị tàn tật nặng	1,5	360	
	- Người từ 85 tuổi trở lên	1,5	360	
3	Người cao tuổi có hoàn cảnh quy định tại khoản 3 điều 4 Nghị định số 67/2007/NĐ-CP		1,0	240
	Người tàn tật nặng quy định tại khoản 4 điều 4 Nghị định số 67/2007/NĐ-CP, được sửa đổi theo khoản 1 điều 1 Nghị định số 13/2010/NĐ-CP:			
4	- Người không có khả năng lao động	1,0	240	
	- Người không có khả năng tự phục vụ	2,0	480	
5	Người mắc bệnh tâm thần quy định tại khoản 5 điều 4 Nghị định số 67/2007/NĐ-CP, được sửa đổi theo khoản 2 điều 1 Nghị định số 13/2010/NĐ-CP		1,5	360
6	Người nhiễm HIV/AIDS quy định tại khoản 6 điều 4 Nghị định số 67/2007/NĐ-CP		1,5	360
7	Gia đình, cá nhân nhận nuôi dưỡng trẻ em mồ côi, trẻ em bị bỏ rơi quy định tại khoản 7 điều 4 Nghị định số 67/2007/NĐ-CP (tính theo số trẻ nhận nuôi):			
	- Nhận nuôi dưỡng trẻ em từ 18 tháng tuổi trở lên	2,0	480	
	- Nhận nuôi dưỡng trẻ em dưới 18 tháng tuổi; trẻ em từ 18 tháng tuổi trở lên bị tàn tật hoặc bị nhiễm HIV/AIDS	2,5	600	
8	Hộ gia đình có 02 người trở lên tàn tật nặng, không có khả năng tự phục vụ quy định tại khoản 8 điều 4 Nghị định số 67/2007/NĐ-CP, được sửa đổi theo khoản 3 điều 1 Nghị định số 13/2010/NĐ-CP:			
	- Có 02 người tàn tật nặng không có khả năng tự phục vụ hoặc mắc bệnh tâm thần	2,0	480	
	- Có 03 người tàn tật nặng không có khả năng tự phục vụ hoặc mắc bệnh tâm thần	3,0	720	
9	Người đơn thân thuộc diện hộ nghèo, đang nuôi con nhỏ quy định tại khoản 9 điều 4 Nghị định số 67/2007/NĐ-CP:			
	- Đang nuôi con từ 18 tháng tuổi trở lên	1,0	240	
	- Đang nuôi con dưới 18 tháng tuổi; từ 18 tháng tuổi trở lên bị tàn tật hoặc bị nhiễm HIV/AIDS	1,5	360	
9	- Đang nuôi con nhỏ dưới 18 tháng tuổi bị tàn tật hoặc bị nhiễm HIV/AIDS		2,0	480

Các trường hợp đang nuôi con nhỏ trên đây nếu đang hưởng trợ cấp xã hội theo quy định tại khoản 4, khoản 5 điều 4 Nghị định số 67/2007/NĐ-CP, được sửa đổi theo khoản 1, khoản 2 điều 1 Nghị định số 13/2010/NĐ-CP và đối tượng quy định tại khoản 2, khoản 3 và khoản 6 điều 4 Nghị định số 67/2007/NĐ-CP thì vẫn được hưởng chế độ trợ cấp theo quy định tại khoản 9 điều 4 Nghị định số 67/2007/NĐ-CP.

b) Mức trợ cấp xã hội hàng tháng cho các đối tượng bảo trợ xã hội sống trong nhà xã hội tại cộng đồng do xã, phường, thị trấn quản lý: (đơn vị tính: nghìn đồng)

STT	Đối tượng	Hệ số	Mức trợ cấp
1	Trẻ em có hoàn cảnh quy định tại khoản 1; người cao tuổi có hoàn cảnh quy định tại khoản 2 và người nhiễm HIV/AIDS quy định tại khoản 6 điều 4 Nghị định số 67/2007/NĐ-CP	2,0	480

c) Mức trợ cấp nuôi dưỡng hàng tháng thấp nhất cho các đối tượng bảo trợ xã hội sống trong các cơ sở bảo trợ xã hội: (đơn vị tính: nghìn đồng)

STT	Đối tượng	Hệ số	Mức trợ cấp
1	Trẻ em có hoàn cảnh quy định tại khoản 1 điều 4 Nghị định số 67/2007/NĐ-CP:		
	- Từ 18 tháng tuổi trở lên	2,0	480
	- Dưới 18 tháng tuổi; từ 18 tháng tuổi trở lên nhưng bị tàn tật hoặc bị nhiễm HIV/AIDS	2,5	600
2	Người cao tuổi có hoàn cảnh quy định tại khoản 2 điều 4 Nghị định số 67/2007/NĐ-CP	2,0	480
3	Người tàn tật nặng quy định tại khoản 4 điều 4 Nghị định số 67/2007/NĐ-CP, được sửa đổi theo khoản 1 điều 1 Nghị định số 13/2010/NĐ-CP	2,0	480
4	Người mắc bệnh tâm thần quy định tại khoản 5 điều 4 Nghị định số 67/2007/NĐ-CP, được sửa đổi theo khoản 2 điều 1 Nghị định số 13/2010/NĐ-CP	2,5	600
5	Người nhiễm HIV/AIDS quy định tại khoản 6 điều 4 Nghị định số 67/2007/NĐ-CP	2,5	600
6	Các đối tượng xã hội cần sự bảo vệ khẩn cấp và các đối tượng xã hội khác quy định tại khoản 2 và khoản 4 điều 5, Nghị định số 68/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ quy định điều kiện, thủ tục thành lập, tổ chức, hoạt động và giải thể cơ sở bảo trợ xã hội.	2,0	480

3. Ngoài các khoản trợ cấp hàng tháng được hưởng, các đối tượng nêu tại điểm a, b và c khoản 2 điều này còn được hưởng thêm các khoản trợ giúp sau:

a) Đối tượng bảo trợ xã hội được cấp thẻ bảo hiểm y tế theo Luật Bảo hiểm y tế và các văn bản hướng dẫn thi hành, gồm:

- Các đối tượng tại khoản 4, khoản 5 điều 4 Nghị định số 67/2007/NĐ-CP, được sửa đổi theo khoản 1, khoản 2 điều 1 Nghị định số 13/2010/NĐ-CP;

- Các đối tượng tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 6 điều 4 Nghị định số 67/2007/NĐ-CP; trẻ em mồ côi, trẻ em bị bỏ rơi được gia đình, cá nhân nhận nuôi dưỡng quy định tại khoản 7 điều 4 Nghị định số 67/2007/NĐ-CP và trẻ em là con của người đơn thân quy định tại khoản 9 điều 4 Nghị định số 67/2007/NĐ-CP.

b) Các đối tượng đang học văn hóa, học nghề được miễn, giảm học phí, được cấp sách, vở, đồ dùng học tập theo quy định của pháp luật.

c) Khi chết được hỗ trợ kinh phí mai táng mức 3.000.000 đồng/người.

d) Các đối tượng ở cơ sở bảo trợ xã hội thuộc Nhà nước quản lý, ngoài các khoản trợ giúp quy định tại điểm b, c khoản này còn được:

- Trợ cấp để mua sắm tư trang, vật dụng phục vụ cho đời sống thường ngày;

- Trợ cấp để mua thuốc chữa bệnh thông thường; riêng người nhiễm HIV/AIDS được hỗ trợ điều trị nhiễm trùng cơ hội với mức 500.000 đồng/người/năm;

- Trợ cấp vệ sinh cá nhân hàng tháng đối với đối tượng nữ trong độ tuổi sinh đẻ.

Điều 2. Chế độ trợ giúp đột xuất

Đối tượng được trợ cấp đột xuất (một lần) là những người, hộ gia đình gặp khó khăn do hậu quả thiên tai hoặc những lý do bất khả kháng gây ra quy định tại điều 6, Nghị định số 67/2007/NĐ-CP như sau:

1. Đối với hộ gia đình:

a) Hộ gia đình có người chết, mất tích: 5.000.000 đồng/người;

b) Hộ gia đình có người bị thương nặng: 2.000.000 đồng/người;

c) Hộ gia đình có nhà bị đổ, sập, trôi, cháy, hỏng nặng: 7.000.000 đồng/hộ;

d) Hộ gia đình phải di dời nhà ở khẩn cấp do nguy cơ sạt lở đất, lũ quét: 7.000.000 đồng/hộ;

đ) Hộ gia đình quy định tại điểm c và d khoản 1 điều này sống ở vùng khó khăn trong theo quy định của cấp có thẩm quyền, mức hỗ trợ: 8.000.000 đồng/hộ.

2. Cá nhân:

a) Trợ giúp cứu đói: 15kg gạo/người/tháng, trong thời gian từ 1 đến 3 tháng;

b) Người gặp rủi ro ngoài vùng cư trú bị thương nặng, gia đình không biết để chăm sóc: 2.000.000 đồng/người;

c) Người lang thang xin ăn trong thời gian tập trung chờ đưa về nơi cư trú: 18.000 đồng/người/ngày nhưng không quá 30 ngày. Trường hợp đặc biệt cần phải kéo dài thì thời gian được hưởng trợ cấp tối đa không quá 90 ngày và mức trợ cấp bằng mức trợ cấp nuôi dưỡng hàng tháng tại cơ sở bảo trợ xã hội.

3. Người gặp rủi ro ngoài vùng cư trú bị chết, gia đình không biết để mai táng, được UBND cấp xã, bệnh viện, cơ quan, đơn vị tổ chức mai táng thì được hỗ trợ kinh phí mai táng 3.000.000 đồng/người.

Điều 3. Quy định về nguồn kinh phí

Kinh phí trợ cấp, trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội được cân đối vào dự toán hàng năm trong sự nghiệp đảm bảo xã hội của các cấp ngân sách theo quy định của Luật ngân sách nhà nước hiện hành.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 18/2011/QĐ-UBND ngày 22/4/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng về việc quy định chế độ trợ cấp, trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội.

2. Các nội dung không quy định cụ thể tại Quyết định này được thực hiện theo Nghị định số 67/2007/NĐ-CP ngày 13/4/2007 của Chính phủ về chính sách trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội và Nghị định số 13/2010/NĐ-CP ngày 27/02/2010 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2007/NĐ-CP ngày 13/4/2007 của Chính phủ về chính sách trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội; Nghị định số 68/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ quy định điều kiện, thủ tục thành lập, tổ chức, hoạt động và giải thể cơ sở bảo trợ xã hội; Nghị định số 06/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 của Chính phủ qui định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người cao tuổi.

Điều 5. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Bảo Lộc, Đà Lạt và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ, Website CP;
- Bộ Tư pháp (Cục KTVBQPPL);
- Bộ Tài chính;
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- TT TU; TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT, các TV UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH đơn vị tỉnh Lâm Đồng;
- Sở Tư pháp;
- Như điều 5; Trung tâm Công báo tỉnh;
- Chi cục Lưu trữ;
- Lưu: VT, VX₃, TKCT, TC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

(đã ký)

Nguyễn Xuân Tiến